

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 4 – 2025

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 699/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm: 1992. (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Chung Chí L**, sinh năm: 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã AX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2024, chị Nguyễn Thị Tr trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chung Chí L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AX, thành phố C, tỉnh Cà Mau ngày 28/01/2021 (Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2021). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh L không lo lắng cho chị và con sau khi chị sinh con nên chị đã về ấp TH, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang sinh sống. Từ khi chị và con về Kiên Giang cho đến nay, chị và anh L ít khi liên lạc nhau, anh L cũng không đến thăm con. Tình cảm không còn, chị xin ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị và anh Chung Chí L có 01 người con chung tên Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/6/2021, đang sống chung với chị. Chị Tr yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với anh Chung Chí L: Tòa án đã thông báo cho anh L về việc thụ lý vụ án, thông báo cho anh L đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; nhiều lần triệu tập anh L đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh L vẫn vắng mặt, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Chung Chí L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị Tr xin ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh L cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Anh L đã được triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai mà anh L vẫn vắng mặt. Chị Tr yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị Tr. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Tr và anh L theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Tr và anh Chung Chí L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị Tr và anh Linh được pháp luật công nhận. Chị Tr xác định thời gian chị và anh L chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh L không lo lắng, chăm sóc cho chị và con khi chị sinh con; chị và anh L không còn chung sống, chị không còn tình cảm với anh L nên chị xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị Tr và anh L xảy ra nhưng không ai có giải pháp hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Anh L đã được thông báo đến Tòa án để tham gia hòa giải, được triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng anh L vẫn vắng mặt; anh L cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr. Điều đó thể hiện anh L không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Tr. Chị Tr và anh L không còn chung sống đời sống vợ chồng. Do đó, dù có duy trì hôn nhân của chị Tr và anh L về mặt pháp lý thì mục đích hôn nhân của anh, chị cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tr.

[3] Về con chung: Chị Tr yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/6/2021; không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị Tr. Chị Tr cũng đang nuôi dưỡng cháu D. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao con chung của chị Tr và anh L cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Tr xác định không có. Anh L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Tr xác định không có. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tr về việc xin ly hôn anh Chung Chí L.

2 - Về con chung: Giao con chung của chị Tr và anh L tên Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/6/2021 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng. Ngày 25/12/2024, chị Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0010034) được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tr, anh Chung Chí L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã AX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân